

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1
TỈNH QUẢNG TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2025/KDTM-ST
Ngày 22-7-2025
V/v "Tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Lệ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Xuân Văn

Ông Trương Quang Lương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Nhật Lệ - Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 1
- Quảng Trị.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Quảng Trị tham gia phiên
tòa:** Ông Nguyễn Thành Chung - Kiểm sát viên

Ngày 22/7/2025 tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 1 - Quảng Trị xét xử sơ
thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 15/TLST-KDTM ngày 17
tháng 4 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" theo Quyết
định đưa vụ án ra xét xử số 92/2025/QĐXXST-KDTM ngày 11 tháng 6 năm 2025,
Quyết định hoãn phiên tòa số 106/2025/QĐST-KDTM ngày 30/6/2025, Thông báo
về việc mở lại phiên tòa số: 04/2025/TB-TA ngày 08/7/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH T1; đại diện theo pháp luật là ông Hoàng T, giám
đốc; địa chỉ trụ sở: Số A đường N, phường Q, thành phố V, tỉnh Nghệ An (Nay là số A,
đường N, phường V, tỉnh Nghệ An; đại diện theo ủy quyền là ông Hoàng Đình Q, Phó
giám đốc Công ty; địa chỉ K, phường T, tỉnh Nghệ An. Ông Q có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn C; đại diện theo pháp luật là ông
Nguyễn Hải S, giám đốc; địa chỉ: TDP A, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình
(Nay là TDP A, phường Đ, tỉnh Quảng Trị). Ông S vắng mặt lần 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/10/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án các lời khai cũng như tại phiên tòa nguyên đơn, đại diện ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 01/8/2022 Công ty TNHH T1 có ký Hợp đồng kinh tế mua bán hàng hóa với Công ty TNHH C. Tại Hợp đồng số: 01.08/2022/HĐMB/HT-HC ngày 01/8/2022 hai bên thỏa thuận ký kết hợp đồng mua tên hàng hóa là lốp ô tô, xăm, yếm, ốc quy, dầu nhớt, nước kính các loại, số lượng và chủng loại: Theo yêu cầu của bên Công ty Trách nhiệm hữu hạn C, đơn lấy hàng có pháp nhân đóng dấu của Công ty Trách nhiệm hữu hạn C; chất lượng: Mới 100/% đảm bảo đúng với chất lượng nhà sản xuất đưa ra, bảo hành: Sản phẩm hàng ngoại và nội như G, O và hàng Trung Quốc bảo hành theo quy chế của nhà sản xuất ban hành, địa điểm và phương thức giao nhận theo yêu cầu Công ty Trách nhiệm hữu hạn C; và khả năng đáp ứng của Công ty TNHH T1, giá cả và phương thức thanh toán thì giá bán cho bên Công ty TNHH C theo từng thời điểm do Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ H quy định, thanh toán chuyển khoản hoặc tiền mặt, Công ty TNHH C, thời hạn thanh toán sau khi bên Công ty TNHH C nhận đủ số lượng hàng hóa và các giấy tờ hóa đơn theo yêu cầu thì bên Công ty TNHH C thanh toán cho Công ty TNHH T1 80% giá trị lô hàng đó, sau 30 ngày thanh toán số còn lại. Ngoài ra hai công ty cũng quy định trách nhiệm và nghĩa vụ và cam kết chung.

Trong quá trình mua bán Công ty TNHH T1 luôn thực hiện đúng Hợp đồng, đáp ứng đầy đủ theo yêu cầu của Công ty TNHH C. Tuy nhiên đến năm 2023 thì giữa Công ty TNHH C và Công ty TNHH T1 có lập biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ đến 17/12/2023 Công ty TNHH C còn nợ Công ty TNHH T1 số tiền 772.400.000 đồng. Sau đó vì tình trạng Công ty TNHH C nên tháng 5/2024 Công ty TNHH T1 có chuyển thêm hàng cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn C, và hiện nay Công ty TNHH C còn nợ thêm số tiền 37.400.000 đồng. Nhiều lần Công ty TNHH C trả tiền nhưng đều từ chối không trả mà còn nói năng thô tục với nguyên đơn. Nay Công ty TNHH C trả cho Công ty TNHH T1 tổng số tiền là 809.840.000 đồng.

Đối với bị đơn, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến nay không đến tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cũng như không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, không tham gia phiên tòa mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án.

Tại phiên tòa ngày 22/7/2025, Nguyên đơn, đại diện ủy quyền của của nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu buộc bị đơn phải thanh toán số tiền hàng đã chuyển 37.400.000 đồng lý do hiện nay Công ty TNHH T1 chưa cung cấp được các chứng từ chứng minh, sau này Công ty TNHH T1 cũng cố thêm tài liệu chứng cứ sẽ yêu cầu giải quyết một vụ án khác.

Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt, nên không có ý kiến gì. Trong quá trình giải quyết vụ án do bị đơn vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được. Tòa án quyết định đưa vụ án xét xử theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện theo đúng và đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật. Việc thụ lý đơn, lập hồ sơ, thu thập chứng cứ, mở phiên họp công khai chứng cứ và hoà giải, và tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng và đầy đủ thủ tục của phiên tòa dân sự sơ thẩm theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định pháp luật. Bị đơn không tham gia tố tụng theo triệu tập của Tòa án

Đại diện viện kiểm sát đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 1 – Quảng Trị căn cứ các Điều 26, 35, 39, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; áp dụng các Điều 430, 434, 435, 436, 440 Bộ luật dân sự 2015. Điều 50 Luật thương mại 2005.

Căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 37.400.000 đồng.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH T1 buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn C trả cho Công ty TNHH T1 số tiền 772.440.000 đồng.

Bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Nguyên đơn Công ty TNHH T1 không phải chịu án phí án phí Dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp:

Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đây là vụ án “Tranh chấp Hợp đồng mua bán hàng hóa” tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh giữa các bên có đăng ký kinh doanh. Nguyên đơn yêu cầu Tòa án nơi bị đơn là Công ty TNHH C có trụ sở theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên có mã số doanh nghiệp 3100405710 địa chỉ trụ sở chính tại tổ dân phố A, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình (Nay là tổ dân phố A, phường Đ, tỉnh Quảng Trị). Như vậy Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới (Nay Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Trị) thụ lý và

giải quyết vụ án theo đúng thẩm quyền quy định tại Điều 35; Điều 39; điểm g khoản 1 Điều 40 BLTTDS.

[1.2] Về sự có mặt, vắng mặt của nguyên đơn, bị đơn:

Sau khi thụ lý vụ án theo đúng thẩm quyền, Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới (Nay Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Trị) đã ra thông báo thụ lý vụ án và gửi cho các bên đương sự kèm theo giấy triệu tập đến Tòa án để làm bản tự khai; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành hòa giải theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành, bị đơn đều vắng mặt các buổi tòa án triệu tập, nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Vì vậy Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2025/QĐXXST-KDTM ngày 11/6/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới (Nay Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Trị) và tiến tiến hành tổng đạt các thủ tục tố tụng cho các bên đương sự theo quy định của pháp luật. Bị đơn đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hình thức và nội dung của Hợp đồng:

Công ty TNHH T1 ký kết Hợp đồng số: 01.08/2022/HĐMB/HT-HC ngày 01/8/2022 với Công ty TNHH C mua bán lớp ô tô, xăm, yếm, ắc quy, dầu nhớt, nước kính các loại, nội dung Hợp đồng phù hợp với các quy định của pháp luật, sau khi ký kết hợp đồng giữa hai công ty có Biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ đến ngày 17/12/2023 thì Công ty TNHH C còn nợ Công ty TNHH T1 số tiền là 772.400.000 đồng, sau đó vì tình huống Công ty TNHH C nên tháng 5/2024 Công ty TNHH T1 có chuyển hàng thêm cho Công ty TNHH C với tổng số tiền 37.400.000 đồng. Tổng cộng Công ty TNHH C phải trả cho Công ty TNHH T1 số tiền là 809.840.000 đồng.

Xét thấy Biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ đến ngày 17/12/2023 là hợp pháp có hiệu lực thi hành, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

[2.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn, các điều khoản trong Hợp đồng dẫn đến các hạng mục trong hợp đồng đến nay chưa được thực hiện, cụ thể:

Tại phiên tòa nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu buộc bị đơn Công ty TNHH C phải thanh toán số tiền 37.400.000 đồng. Chỉ yêu cầu bị đơn Công ty TNHH C trả cho Công ty TNHH T1 số tiền là 772.400.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc. Căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu của nguyên đơn đã rút.

Căn cứ tại Điều III của Hợp đồng về thời gian phương thức thanh toán thực hiện thì Công ty TNHH C đã vi phạm thời hạn thanh toán. Hội đồng xét xử thấy: Căn

cứ các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn giao nộp cho Tòa án là Biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ đến từ ngày 01/12/ 2023 đến ngày 17/12/2023. Hội đồng xét xử thấy, giữa Công ty TNHH T1 và Công ty TNHH C là hai bên có đủ năng lực hành vi dân sự phù hợp với giao dịch dân sự được xác lập, khi tham gia giao dịch dân sự hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội dung giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội phù hợp quy định của áp dụng các Điều 26, 35, 39, Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 280, 351, 401 Bộ luật dân sự 2015.

Vì vậy Công ty TNHH T1 khởi kiện yêu cầu Công ty Trách nhiệm hữu hạn C phải trả số tiền 772.400.000 đồng theo biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ đến 17/12/2023 là có căn cứ cần chấp nhận.

[2.3] Xét sự có mặt của bị đơn:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn, nhưng bị đơn đều không đến Tòa án, cũng không cung cấp được tài liệu gì liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho thấy bị đơn đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh, nên bị đơn phải chịu hậu quả của việc không cung cấp được chứng cứ chứng minh được quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử chỉ xem xét yêu cầu của nguyên đơn dựa trên các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp tại tòa án theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí:

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Do yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH T1 được chấp nhận nên bị đơn là Công ty Trách nhiệm hữu hạn C phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm trên tổng số tiền phải trả là $[772.440.000 \text{ đồng} - 400.000.000 \text{ đồng} \times 4\% + 20.000.000 \text{ đồng}] = 34.897.600 \text{ đồng}$ để sung ngân sách nhà nước.

Công ty TNHH T1 không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Công ty TNHH T1 số tiền tạm ứng án phí là 18.000.000 (Mười tám triệu đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/23 số: 0005094 ngày 26/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vinh, Nghệ An. (Nay là Thi hành án dân sự Khu vực 1- Nghệ An)

[3]. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự trong vụ án có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 430, 434, 435, 436, 440 Bộ luật dân sự. Điều 50 Luật thương mại 2005.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Công ty TNHH T1 buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn C phải trả Công ty T1 số tiền số tiền 772.400.000 đồng (Theo biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ từ ngày 01/12/2023 đến 17/12/2023) mà hai bên đã xác nhận.

2. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH T1 về việc buộc bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn C phải thanh toán Công ty TNHH T1 số tiền là 37.400.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn C còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Án phí Dân sự sơ thẩm:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn C phải chịu nộp án phí Dân sự là 34.897.600 đồng để sung ngân sách nhà nước.

Công ty TNHH T1 không phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Công ty TNHH T1 số tiền tạm ứng án phí là 18.000.000 (Mười tám triệu đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu BLTU/23 số: 0005094 ngày 26/12/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vinh, Nghệ An. (Nay là phòng Thi hành án dân sự Khu vực 1- Nghệ An)

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

- VKSND khu vực 1-Quảng trị
- THADS tỉnh Quảng Trị;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án.

Nguyễn Thị Mỹ Lệ